TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** TỈNH HẢI DƯƠNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2022/HS-ST
Ngày: 23/11/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG -TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Nhan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thời, ông Nguyễn Minh Tân.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Phạm Hồng Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà***: Bà Lê Thị Thu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 148/2022/HSST ngày 01/10/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2022/HSST-QĐ ngày 07/11/2022, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa ngày 11/11/2022, đối với bị cáo:

Vương Văn K, sinh năm 1995; ĐKHKTT và chỗ ở: Khu A, phường A1, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Vương Văn K1 và bà Nguyễn Thị K2; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Quyết định số 98 ngày 23/01/2018, Công an thành phố Hải Dương xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với K về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác (nộp tiền ngày 24/4/2018). Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/6/2022 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Nguyễn Thành V, sinh năm 1995; Hiện cư trú tại: Số TT2A.07 V1, phường V2, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2. Anh T, sinh năm 1997; Hiện cư trú tại: Khu T1, phường A1, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

3. Anh Đỗ Văn B, sinh năm 1992; Hiện cư trú tại: Khu B1, phường A1, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

4. Anh Phạm Minh H, sinh năm 2004; Hiện cư trú tại: Số 14 H1, phường H2, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

5. Anh PG Văn C, sinh năm 1995; Hiện cư trú tại: Số 346 C1, phường C2, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

6. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1997; Hiện cư trú tại: Khu D1, phường A1, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

7. Anh Vũ Thái E, sinh năm 1978; Hiện cư trú tại: Số 2B/129 E1, phường E2, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

8. Anh Nguyễn Hữu F, sinh năm 1996; Hiện cư trú tại: Khu T1, phường A1, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

9. Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1980; Hiện cư trú tại: Khu G1, phường A1, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

10. Anh Tăng Xuân I, sinh năm 1997; Hiện cư trú tại: Khu T1, phường A1, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

11. Anh Đào Văn L, sinh năm 2000; Hiện cư trú tại: Số 49 L1, phường L2, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Từ tháng 5/2020, Vương Văn K đã thuê phần mềm norman của một người không quen biết, sử dụng tài khoản tên vuongvank@gmail.com, để đăng nhập vào website https://www.morman.vn thực hiện việc cho vay và quản lý việc cho vay lãi nặng. Khi khách đến vay tiền thì K thỏa thuận miệng tiền lãi suất, sau đó yêu cầu người vay cung cấp thông tin cá nhân để nhập tên, tuổi, địa chỉ, số tiền vay, lãi suất vào tài khoản trên để theo dõi, quản lý. K là người trực tiếp làm thủ tục cho vay, giao tiền cho khách và thu tiền lãi bằng tiền mặt. Khi đến ngày trả lãi hoặc gốc, người vay sẽ đến nhà K theo như thỏa thuận hoặc K sẽ đến gặp trực tiếp người vay để lấy tiền. Từ tháng 5 năm 2020, K đã thực hiện các hành vi cho vay lãi nặng với lãi suất từ 3.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày đến 15.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày tương đương với lãi suất cho vay từ 109,5% đến 547,5%/1 năm, như sau:

1. Cho anh Nguyễn Thành V vay 10 lần, gồm:

- Ngày 29/6/2020, K cho anh V vay số tiền 30 triệu đồng, lãi suất là 10.000 đồng/ 1 triệu/1 ngày, tương đương lãi suất 365%/năm, gấp 18,25 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Đến ngày 06/11/2020, anh V đã trả 30 triệu đồng tiền gốc và 39.300.000 đồng tiền lãi, tiền lãi tương ứng lãi suất 20%/năm là 2.153.425 đồng, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 37.146.575 đồng.

- Ngày 18/7/2020, K cho anh V vay số tiền 30 triệu đồng, lãi suất là 10.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương lãi suất 365%/năm, gấp 18,25 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Đến ngày 12/11/2020, anh V đã trả 30 triệu đồng tiền gốc và 35.400.000 đồng tiền lãi, tiền lãi tương ứng lãi suất

20%/năm là 1.939.726 đồng, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 33.460.274 đồng.

- Ngày 13/4/2021, K cho anh V vay số tiền 10 triệu đồng, lãi suất là 15.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương lãi suất 547,5%/năm, gấp 27,375 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Đến ngày 16/6/2021, anh V đã trả 10 triệu đồng tiền gốc và 9.750.000 đồng tiền lãi, tiền lãi tương ứng lãi suất 20%/năm là 356.164 đồng, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 9.393.836 đồng.

- Ngày 20/4/2021, K cho anh V vay số tiền 5 triệu đồng, lãi suất là 15.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương lãi suất 547,5%/năm, gấp 27,375 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Đến ngày 16/6/2021, anh V đã trả 5 triệu đồng tiền gốc và 4.350.000 đồng tiền lãi, tiền lãi tương ứng lãi suất 20%/năm là 158.904 đồng, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 4.191.096 đồng.

- Ngày 23/6/2021, K cho anh V vay số tiền 10 triệu đồng, lãi suất là 15.000 đồng/1 triệu/1 ngày,tương đương lãi suất 547,5%/năm, gấp 27,375 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Đến ngày 15/8/2021, anh V trả K số tiền gốc 10 triệu đồng và 8.100.000 đồng tiền lãi, tiền lãi tương ứng lãi suất 20%/năm là 295.890 đồng, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 7.804.110 đồng.

- Ngày 30/6/2021, K cho anh V vay số tiền 10 triệu đồng, lãi suất là 15.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương lãi suất 547,5%/năm, gấp 27,375 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Đến ngày 15/8/2021, anh V đã trả 10 triệu đồng tiền gốc và 7.050.000 đồng tiền lãi, tiền lãi tương ứng lãi suất 20%/năm là 257.534 đồng, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 6.792.466 đồng.

- Ngày 02/8/2021, K cho anh V vay số tiền 10 triệu đồng, lãi suất là 10.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương lãi suất 365%/năm, gấp 18,25 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Đến ngày 15/8/2021, anh V đã trả 10 triệu đồng tiền gốc và 1.400.000 đồng tiền lãi, tiền lãi tương ứng lãi suất 20%/năm là 76.712 đồng, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 1.323.288 đồng.

- Ngày 22/12/2021, K cho anh V vay số tiền 10 triệu đồng, lãi suất là 10.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương lãi suất 365%/năm, gấp 18,25 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Đến 05/3/2022 anh V đã trả K 10 triệu đồng tiền gốc và 7.400.000 đồng tiền lãi, tiền lãi tương ứng lãi suất 20%/năm là 405.479 đồng, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 6.994.521 đồng.

- Ngày 11/3/2022, K cho anh V vay số tiền 20 triệu đồng, lãi suất là 10.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương lãi suất 365%/năm, gấp 18,25 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Đến 13/4/2022, kết thúc hợp đồng, anh V trả K 20 triệu đồng tiền gốc và 6.800.000 đồng tiền lãi, tiền lãi tương ứng

mức lãi suất 20%/năm là 372.603 đồng, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 6.427.397 đồng.

- Ngày 15/4/2022, K cho anh V vay số tiền 20 triệu đồng, lãi suất là 10.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương lãi suất 365%/năm, gấp 18,25 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Đến ngày 28/4/2022, anh V đã trả 20 triệu đồng tiền gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi, tiền lãi tương ứng lãi suất 20%/năm là 153.425 đồng, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 3.846.575 đồng.

Tổng số tiền K cho anh V vay là 155.000.000 đồng, với mức lãi suất gấp 18,25 đến 27,375 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. K đã thu 155 triệu tiền gốc và 123.550.000 đồng tiền lãi, trong đó mức lãi suất 20%/năm là 6.169.863 đồng, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 117.380.137 đồng.

2. Cho anh Nguyễn Hữu F vay 4 lần, gồm:

- Ngày 22/9/2021, K cho anh F vay số tiền 10 triệu đồng, lãi suất là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Đến ngày 09/12/2021, anh F đã trả 10 triệu đồng tiền gốc và 3.950.000 đồng tiền lãi, tiền lãi tương ứng lãi suất 20%/năm là 432.877 đồng, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 3.517.123 đồng.

- Ngày 16/10/2021, K cho anh F vay số tiền 30 triệu đồng, lãi suất là 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Đến ngày 25/11/2021, anh F đã trả 30 triệu đồng tiền gốc và 4.920.000 đồng tiền lãi, tiền lãi tương ứng lãi suất 20%/năm là 673.973 đồng, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 4.246.027 đồng.

- Ngày 29/10/2021, K cho anh F vay số tiền 20 triệu đồng, lãi suất là 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Đến ngày 25/11/2021, anh F đã trả 20 triệu đồng tiền gốc và 2.240.000 đồng tiền lãi, tiền lãi tương ứng lãi suất 20%/năm là 306.849 đồng, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 1.933.151 đồng.

- Ngày 22/11/2021, K cho anh F vay số tiền 12 triệu đồng, lãi suất là 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Đến ngày 02/01/2022, anh F đã trả 2.000.000 đồng tiền lãi, tiền lãi tương ứng lãi suất 20%/năm là 276.164 đồng, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 1.723.836 đồng. Khoản vay này anh F chưa thanh toán tiền gốc, K không lấy lãi từ ngày 02/01/2022 đối với anh F.

Tổng số tiền K cho anh F vay là 72.000.000 đồng, với mức lãi suất gấp 7,3 đến 9,125 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Anh F đã trả 60 triệu đồng tiền gốc, K thu 13.110.000 đồng tiền lãi, trong đó mức lãi suất 20%/năm là 1.689.863 đồng, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 11.420.137 đồng.

3. Cho anh Đỗ Văn B vay 3 lần, gồm:

- Ngày 07/12/2020, K cho anh B vay số tiền 15 triệu đồng, lãi suất là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Đến ngày 13/8/2021, anh B đã trả 15 triệu đồng tiền gốc và 18.300.000 đồng tiền lãi, tiền lãi tương ứng lãi suất 20%/năm là 1.997.260 đồng, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 16.302.740 đồng.

- Ngày 30/01/2022, K cho anh B vay số tiền 10 triệu đồng, lãi suất là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Đến ngày 10/4/2022, anh B đã trả 4.000.000 đồng tiền lãi, tiền lãi tương ứng lãi suất 20%/năm là 438.356 đồng, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 3.561.644 đồng. Khoản vay này anh B chưa thanh toán tiền gốc, K không lấy lãi từ ngày 10/4/2022 đối với anh B.

- Ngày 30/01/2022, anh B vay K số tiền 5 triệu đồng, lãi suất là 7.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương lãi suất 255,5%/năm, gấp 12,775 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Đến ngày 10/4/2022, anh B đã trả 2.800.000 đồng tiền lãi, tiền lãi tương ứng lãi suất 20%/năm là 219.178 đồng, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 2.580.822 đồng. Khoản vay này anh B chưa thanh toán tiền gốc, K không lấy lãi từ ngày 10/4/2022 đối với anh B.

Tổng số tiền K cho anh B vay là 30.000.000 đồng, với mức lãi suất gấp 9,125 đến 12,775 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Anh B đã trả K 15.000.000 đồng tiền gốc, K thu 25.100.000 đồng tiền lãi, trong đó mức lãi suất 20%/năm là 2.654.795 đồng, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 22.445.205 đồng.

4. Cho anh Nguyễn Văn G vay 3 lần, gồm:

- Ngày 06/7/2021, K cho anh G vay số tiền 20 triệu đồng, lãi suất là 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Đến ngày 06/8/2021, anh G đã trả 20 triệu đồng tiền gốc và 2.560.000 đồng tiền lãi, tiền lãi tương ứng lãi suất 20%/năm là 350.685 đồng, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 2.209.315 đồng.

- Ngày 28/9/2021, K cho anh G vay số tiền 10 triệu đồng, lãi suất là 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Đến ngày 07/5/2022, anh G đã trả 9.000.000 đồng tiền lãi, tiền lãi tương ứng lãi suất 20%/năm là 1.232.877 đồng, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 7.767.123 đồng. Khoản vay này anh G chưa thanh toán tiền gốc.

- Ngày 15/10/2021, K cho anh G vay số tiền 20 triệu đồng, lãi suất là 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Đến ngày 07/5/2022, anh G đã trả 16.640.000 đồng tiền lãi, tiền lãi tương ứng lãi suất 20%/năm là 2.279.452

đồng, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 14.360.548 đồng. Khoản vay này anh G chưa thanh toán tiền gốc.

Tổng số tiền K cho anh G vay là 50.000.000 đồng, với mức lãi suất gấp 7,3 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Anh G đã trả 20 triệu đồng tiền gốc, K thu 28.200.000 đồng tiền lãi, trong đó mức lãi suất 20%/năm là 3.863.014 đồng, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 24.336.986 đồng.

5. Cho anh Tăng Xuân I vay 3 lần, gồm:

- Ngày 21/9/2021, anh I vay K số tiền 15 triệu đồng, lãi suất là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Đến ngày 29/11/2021, anh I đã trả 15 triệu đồng tiền gốc và 4.875.000 đồng tiền lãi, tiền lãi tương ứng lãi suất 20%/năm là 534.247 đồng, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 4.340.753 đồng.

- Ngày 23/9/2021, K cho anh I vay số tiền 10 triệu đồng, lãi suất là 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,475 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Đến ngày 20/4/2022, anh I đã trả 6.300.000 đồng tiền lãi, tiền lãi tương ứng lãi suất 20%/năm là 1.150.685 đồng, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 5.149.315 đồng. Khoản vay này anh I chưa thanh toán tiền gốc, K không lấy lãi từ ngày 20/4/2022 đối với anh I.

- Ngày 28/02/2022, K cho anh I vay số tiền 60 triệu đồng, lãi suất là 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương lãi suất 146%/năm, gấp 7,3 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Đến ngày 11/3/2022, anh I đã trả 2.280.000 đồng tiền lãi, tiền lãi tương ứng lãi suất 20%/năm là 328.767 đồng, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 1.951.233 đồng. Khoản vay này anh I chưa thanh toán tiền gốc, K không lấy lãi từ ngày 11/3/2022 đối với anh I.

Tổng số tiền K cho anh I vay là 85.000.000 đồng, với mức lãi suất gấp 5,475 đến 9,125 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Anh I đã trả 15 triệu đồng tiền gốc, K thu 13.455.000 đồng tiền lãi, trong đó mức lãi suất 20%/năm là 2.013.699 đồng, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 11.441.301 đồng.

6. Cho anh Đào Văn L vay 3 lần, gồm:

- Ngày 28/02/2022, anh L vay K số tiền 5 triệu đồng, lãi suất là 6.000 đồng/ 1 triệu/1 ngày, tương đương lãi suất 219%/năm, gấp 10,95 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Đến ngày 09/3/2022, anh L đã trả 300.000 đồng tiền lãi, tiền lãi tương ứng lãi suất 20%/năm là 27.397 đồng, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 272.603 đồng. Khoản vay này anh L chưa thanh toán tiền gốc, K không lấy lãi từ ngày 09/3/2022 đối với anh L.

- Ngày 09/3/2022, K cho anh L vay số tiền 5 triệu đồng, lãi suất là 7.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương lãi suất 255,5%/năm, gấp 12,775 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Đến ngày 05/4/2022, anh L đã trả 5 triệu đồng tiền gốc và 350.000 đồng tiền lãi, tiền lãi tương ứng lãi suất

20%/năm là 27.397 đồng, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 322.603 đồng.

- Ngày 29/4/2022, anh L vay K số tiền 10 triệu đồng, lãi suất là 7.000 đồng/ 1 triệu/1 ngày, tương đương lãi suất 255,5%/năm, gấp 12,775 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Đến ngày 07/5/2022, anh L đã trả 700.000 đồng tiền lãi, tiền lãi tương ứng lãi suất 20%/năm là 54.795 đồng, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 645.205 đồng. Khoản vay này anh L chưa thanh toán tiền gốc.

Tổng số tiền K cho anh L vay là 20.000.000 đồng, với mức lãi suất gấp 10,95 đến 12,775 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Anh I đã trả 5 triệu đồng tiền gốc, K thu 1.350.000 đồng tiền lãi, trong đó mức lãi suất 20%/năm là 109.589 đồng, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 1.240.411 đồng.

7. Cho anh PG Văn C vay 2 lần, gồm:

- Ngày 14/4/2021, K cho anh G vay số tiền 10 triệu đồng, lãi suất là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Đến ngày 12/10/2021, anh G đã trả 10 triệu tiền gốc và 8.950.000 đồng tiền lãi, tiền lãi tương ứng lãi suất 20%/năm là 980.822 đồng, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 7.969.178 đồng.

- Ngày 09/8/2021, K cho anh G vay số tiền 5 triệu đồng, lãi suất là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Đến ngày 12/10/2021, anh G đã trả 5 triệu đồng tiền gốc và 1.625.000 đồng tiền lãi, tiền lãi tương ứng lãi suất 20%/năm là 178.082 đồng, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 1.446.918 đồng.

Tổng số tiền K cho anh G vay là 15.000.000 đồng, với mức lãi suất gấp 9,125 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. K đã thu 15 triệu tiền gốc và 10.575.000 đồng tiền lãi, trong đó mức lãi suất 20%/năm là 1.158.904 đồng, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 9.416.096 đồng.

8. Cho anh Nguyễn Văn D vay 2 lần, gồm:

- Ngày 07/12/2021, K cho anh D vay số tiền 10 triệu đồng, lãi suất là 7.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương lãi suất 255,5%/năm, gấp 12,775 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Đến ngày 01/3/2022, anh D đã trả 5.950.000 đồng tiền lãi, tiền lãi tương ứng lãi suất 20%/năm là 465.753 đồng, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 5.484.247 đồng. Khoản vay này anh D chưa thanh toán tiền gốc, K không lấy lãi từ ngày 01/3/2022 đối với anh D.

- Ngày 23/02/2022, anh D vay K số tiền 5 triệu đồng, lãi suất là 7.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương lãi suất 255,5%/năm, gấp 12,775 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. D chưa trả gốc và lãi khoản vay này, K không lấy lãi khoản vay này của D.

Tổng số tiền K cho anh D vay là 15.000.000 đồng tiền gốc (anh D chưa trả gốc) với mức lãi suất gấp 12,775 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. K thu 5.950.000 đồng tiền lãi, trong đó mức lãi suất 20%/năm là 465.753 đồng, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 5.484.247 đồng.

9. Ngày 17/4/2021, K cho anh T vay số tiền 20 triệu đồng, lãi suất là 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương ứng lãi suất 109,5%, gấp 5,475 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Đến 01/10/2021, anh Trường trả K 20 triệu đồng tiền gốc và 10.080.000 đồng tiền lãi, tiền lãi tương ứng lãi suất 20%/năm là 1.841.096 đồng, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 8.238.904 đồng.

10. Ngày 06/3/2022, K cho anh Phạm Minh H vay số tiền 5 triệu đồng, lãi suất là 15.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương lãi suất 547,5%/năm, gấp 27,375 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Đến ngày 28/3/2022, anh H đã trả 2.250.000 đồng tiền lãi, tiền lãi tương ứng lãi suất 20%/năm là 82.192 đồng, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 2.167.808 đồng. Khoản vay này anh H đã thanh toán tiền gốc, K không lấy lãi từ ngày 28/3/2022 đối với anh H.

11. Ngày 24/6/2021, K cho anh Vũ Thái E vay số tiền 10 triệu đồng, lãi suất là 10.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương lãi suất 365%/năm, gấp 18,25 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Đến ngày 04/8/2021, anh H đã trả 10 triệu tiền gốc và 4.200.000 đồng tiền lãi, tiền lãi tương ứng lãi suất 20%/năm là 230.137 đồng, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 3.969.863 đồng.

Ngày 07/5/2022, Phòng an ninh mạng và PCTP sử dụng D nghệ cao Công an tỉnh Hải Dương đã triệu tập Vương Văn K đến làm việc về việc nhận được đơn tố giác của công dân tố cáo Vương Văn K có hoạt động cho vay lãi nặng. Phòng an ninh mạng và PCTP sử dụng công nghệ cao Công an tỉnh Hải Dương đã tiến hành sao chụp các hợp đồng của từng khách hàng, in thành tập và lưu trữ các dữ liệu, hình ảnh có liên quan vào 01 đĩa CD, ký hiệu CD phần mềm. Phòng an ninh mạng và PCTP sử dụng công nghệ cao Công an tỉnh Hải Dương kiểm tra điện thoại Iphone 11 Pro màu đen của K, tiến hành sao chụp màn hình, in tài liệu và sao lưu dữ liệu ra 01 đĩa CD, ký hiệu CD Iphone11Pro-K; tiến hành quản lý điện thoại và niêm phong trong bì thư, ký hiệu Iphone11pro-K.

Ngày 11/5/2022, Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Hải Dương cung cấp phương pháp tính và nguyên tắc tính lãi suất: Đối với khoản vay với mức lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày tương ứng với tỷ lệ lãi suất là 109,5%/năm; Đối với khoản vay với mức lãi suất 3.500 đồng/triệu/ngày tương ứng với tỷ lệ lãi suất là 127,75%/năm; Đối với khoản vay với mức lãi suất 4.000 đồng/triệu/ngày tương ứng với tỷ lệ lãi suất là 146%/năm; Đối với khoản vay với mức lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày tương ứng với tỷ lệ lãi suất là 182,5%/năm; Đối với khoản vay với mức lãi suất 6.000 đồng/triệu/ngày tương ứng với tỷ lệ lãi suất là 219%/năm; Đối với khoản vay với mức lãi suất 7.000 đồng/triệu/ngày tương ứng với tỷ lệ lãi suất là 255,5%/năm; Đối với khoản vay với mức lãi suất 10.000 đồng/triệu/ngày tương ứng với tỷ lệ lãi suất là 365%/năm; Đối với khoản vay

với mức lãi suất 12.500 đồng/triệu/ngày tương ứng với tỷ lệ lãi suất là 456,25%/năm; Đối với khoản vay với mức lãi suất 15.000 đồng/triệu/ngày tương ứng với tỷ lệ lãi suất là 547,5%/năm.

Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đối với các phong bì ký hiệu CD phần mềm, CD Iphone11pro-K, Iphone11pro-K hiện đang được quản lý tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Đối với các hợp đồng của từng khách hàng đã được sao chụp, in thành từng tập lưu theo hồ sơ vụ án. Đối với số tiền lãi vượt quá 20%/năm mà bị cáo Vương Văn K đã thu, 11 người vay không đề nghị hoàn trả.

Tại Cáo trạng số 139/CT-VKSTPHD, ngày 30/9/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố bị cáo Vương Văn K về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, rất ân hận về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đều không yêu cầu bị cáo trả số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20% (trừ anh Vũ Thái E). Những người vay chưa trả tiền gốc cho bị cáo K đề nghị xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vương Văn K về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"; Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 2 Điều 201; khoản 1 Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Vương Văn K từ 07 tháng tù đến 09 tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam (07/6/2022); Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự. Phạt K từ 50 triệu đồng đến 60 triệu đồng sung quỹ Nhà nước; Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Chuyển cho Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương 01 đĩa CD lưu giữ các giữ liệu hình ảnh sao chụp các hợp đồng của từng khách hàng được niêm phong trong bì thư ký hiệu: "CD PHẦN MỀM"; 01 đĩa CD lưu giữ các hình hảnh sao chụp trong điện thoại Iphone11pro của K được niêm phong trong bì thư ký hiệu "CD-Iphone11pro-K" để lưu hồ sơ vụ án; Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại Iphone11pro màu đen của K được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu "Iphone11pro – K"; Tịch thu của bị cáo Vương Văn K số tiền 355.287.000đ sung quỹ Nhà nước; Tịch thu của anh Nguyễn Hữu F 12.000.000đ, anh Đỗ Văn B 15.000.000đ, anh Nguyễn Văn G 30.000.000đ, anh Tăng Xuân I 70.000.000đ, anh Nguyễn Văn D 15.000.000đ sung quỹ Nhà nước. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai bị cáo Vương Văn K tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2020 đến ngày 07/5/2022, tại thành phố H, Vương Văn K đã cho 11 người vay tiền gồm các anh Nguyễn Thành V, T, Đỗ Văn B, PG Văn C, Phạm Minh H, Đào Văn L, Vũ Thái E, Tăng Xuân I, Nguyễn Văn G, Nguyễn Hữu F và Nguyễn Văn D với lãi suất từ 3.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày đến 15.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày tương đương với lãi suất cho vay từ 109,5% đến 547,5%/1 năm (gấp 5,475 lần đến 27,375 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự). Tổng số tiền K cho vay là 477.000.000 đồng, tổng số tiền lãi đã thu là 237.820.000 đồng, trong đó mức lãi suất 20%/năm là 20.287.124 đồng. Số tiền K thu lợi bất chính 217.532.876 đồng.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, ảnh hưởng đến lợi ích của người khác, gây mất trật tự tại địa phương. Bị cáo nhận thức được việc cho vay lãi nặng là trái pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi, vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo cho vay lãi nặng và thu lợi bất chính số tiền 217.532.876 đồng nên đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, cần áp dụng một hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt biết tôn trọng, chấp hành pháp luật và phòng ngừa chung trong xã hội theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã chấp hành xong nên không xác định là tiền sự đối với bị cáo. Bị cáo cho vay lãi nặng nhiều lần trong đó có hai lần thu lời bất chính từ 30.000.000đ trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội hai lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo phạm tội vì mục đích vụ lợi cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[5] Về biện pháp tư pháp: Trong số 11 trường hợp vay tiền của K có 10 người không yêu cầu bị cáo K phải hoàn trả số tiền lãi đã trả vượt mức lãi suất 20%/năm. Xét đây là số tiền bị cáo có được xuất phát từ giao dịch dân sự trái pháp luật giữa bị cáo và những người vay. Theo quy định của pháp luật bị cáo phải có trách nhiệm trả lại những người vay khoản tiền này nhưng những người vay không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền này. Do vậy, cần chấp nhận sự tự nguyện của những người vay về vấn đề này, bị cáo K không phải hoàn trả số tiền lãi người vay đã trả vượt quá mức lãi suất 20%/năm cho những người vay. Quá trình điều tra anh Vũ Thái E không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền này nên cần buộc bị cáo K phải hoàn trả cho anh H số tiền 3.969.863đ (làm tròn là 3.969.000đ).

[6] Về vật chứng: Đối với các hợp đồng của từng khách hàng đã được sao chụp, in thành từng tập lưu theo hồ sơ vụ án là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo cần tiếp tục quản lý trong hồ sơ vụ án. Đối với các phong bì ký hiệu CD phần mềm, CD Iphone11pro-K, Iphone11pro-K là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo cần chuyển cho Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương để lưu hồ sơ vụ án; Đối với 01 điện thoại Iphone11 là công cụ để bị cáo thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền gốc 477.000.000 bị cáo đã cho vay là công cụ, phương tiện để bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Trong số 11 người vay hiện còn một số người chưa trả tiền gốc trong đó: anh F chưa trả 12.000.000đ, anh B 15.000.000đ, anh G 30.000.000đ, anh *I* 70.000.000đ, anh D 15.000.000đ. Lời khai của anh L, tại giai đoạn điều tra xác định chưa trả bị cáo 15.000.000đ tiền gốc. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh L xác định sau khi làm việc với cơ quan điều tra đã trả bị cáo số tiền trên, tại phiên tòa bị cáo K xác định anh L đã trả bị cáo số tiền này. Như vậy tổng số tiền gốc người vay chưa trả cho K là 142.000.000đ. Tại điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với "Khoản tiền, tài sản khác người phạm tội dùng để cho vay". Do vậy số tiền gốc hiện người vay đã trả K là 477.000.000đ – 142.000.000đ = 335.000.000đ. Do vậy cần tịch thu của K số tiền 335.000.000đ sung quỹ Nhà nước và tịch thu 142.000.000đ của những người vay chưa trả tiền gốc cho K, cụ thể tịch thu của anh F 12.000.000đ, anh B 15.000.000đ, anh G 30.000.000đ, anh *I* 70.000.000đ, anh D 15.000.000đ sung quỹ Nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất 20%/năm của số tiền gốc là 20.287.124đ bị cáo K đã thu xác định là khoản tiền phát sinh từ việc thực hiện hành vi phạm tội hơn nữa để đảm bảo yêu cầu đấu tranh phòng chống loại tội phạm này trong xã hội căn cứ điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cần tịch thu của bị cáo K số tiền này sung quỹ Nhà nước. Như vậy tổng số tiền tịch thu của bị cáo K là 335.000.000đ + 20.287.124đ = 355.287.124đ (làm tròn là 355.287.000đ).

[7] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Về vấn đề khác: Ngoài hành vi trên, K còn cho anh Nguyễn Thành V vay 03 lần; anh T vay 02 lần; anh Phạm Minh F vay 01 lần; anh Đỗ Văn B vay 03 lần; anh Tăng Xuân I vay 05 lần; anh Nguyễn Hữu F vay 01 lần; anh Vũ Thái E vay 01 lần với lãi suất từ 3.000 đồng/triệu/1 ngày đến 15.000 đồng/triệu/ngày. Tính từ thời điểm kết thúc từng lần vay đến ngày 07/5/2022 bị cơ quan Công an phát hiện đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, mỗi lần cho vay đều thu lợi bất chính dưới 30 triệu đồng. Theo khoản 2, Điều 7 Nghị quyết số 01 ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xác định những lần cho vay này không đủ yếu tố cấu thành tội phạm do vậy cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

Đối với các số điện thoại có trong danh sách hợp đồng K cho vay do Phòng an ninh mạng và PCTP sử dụng công nghệ cao Công an tỉnh Hải Dương thu giữ được. Qua xác minh các thuê bao điện thoại đăng ký mang tên Trương H, sinh năm 1988 ở TT L5, huyện L5, tỉnh Bình Phước; Nguyễn Nhật O, sinh năm 1966 ở Số 15 L, TDP9, TP. O1, tỉnh Quảng Bình; Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1991, HKTT tại P. Đ1, TP. Đ2, tỉnh Lào Cai; Phạm Thị N1, sinh năm 1960 ở xã N2, H. N3, tỉnh Thanh Hóa; Quách Văn Q, sinh năm 1970 ở H. Q1, tỉnh Hòa Bình; Vũ Văn P, sinh năm 1990 ở 25/61/56 P1, P. P2, TP. P3; Trần Đức R, sinh năm 1983 ở Thôn R1, xã R2, TP. HD; Đỗ Văn X, sinh năm 1995 ở X1, P. A1, TP. HD; Đỗ Đại X2, sinh năm 1995 P. A1, TP. HD; Đỗ Quang P3, sinh năm 1990 ở P. A1, TP. HD; Hoàng Văn M1, sinh năm 1999 ở 71 M2 Thi, P. C2, TP. HD; Nguyễn Đình M3, sinh năm 1999 ở D1, P. A1, TP. HD; Phạm Văn M4, sinh năm 1993 ở khu 5, P. A1, TP. HD; Nguyễn Đức Tr, sinh năm 1993 ở khu 4, P. Tr1, TP. HD; H Thị Gh, HKTT: Số 25, P. QT, TP. HD; Phạm Văn Th, HKTT: Khu G1, P. A1, TP. HD; Nguyễn Văn D, sinh năm 1982 ở Đội 8 huyện TK, Hải Dương; Đỗ Thanh Ch, sinh năm 1991 ở P. A1, TP. HD; Lê Mạnh Nh, sinh năm 1987 ở số 2, P. C2, TP. HD; Trương Hoài G9, sinh năm 1999, HKTT: số 82A, P. OX, TP. HD; Nguyễn Tiến D5, sinh năm 1981 ở xã Quang K, huyện TK, tỉnh Hải Dương; Nguyễn Xuân T5, sinh năm 1990, HKTT: khu 6, TT TM, H. TM, tỉnh Hải Dương; Trương Mạnh H7, sinh năm 2001, HKTT: Làng CH, P. A1, TP. HD; Nguyễn Quang V8, sinh năm 1994 ở T1, P. A1, TP. HD; Vũ Trọng L5, sinh năm 1990 ở khu 2, P. E2, TP. HD; Ngô Ngọc T9, sinh năm 1993 ở T1, P. A1, TP. HD; Lương Thị Thanh T8, sinh năm 1996 ở D1, P. A1, TP. HD; Vương Minh T10, sinh năm 1996 ở A, P. A1, TP. HD; Đoàn Văn K9, sinh năm 1997 ở Khu AB, P. A1, TP. HD; Nguyễn Xuân D9, sinh năm 2004 ở thôn G1, P. A1, TP. HD; Nguyễn Văn D, sinh năm 1982 ở thôn G1, P. A1, TP. HD; Nguyễn Đăng M9, sinh năm 1992 ở khu Bảo Thái, P. A1, TP. HD; Nguyễn Văn F9, sinh năm 1986 ở khu CX, P. A1, TP. HD; Phạm Thị H9, sinh năm 2000 ở Đội 1, xã NL, huyện NL, tỉnh Nam Định; Đỗ Quang B9, sinh năm 1995 ở khu BT, P. A1, TP. HD; Đỗ Văn Đ9, sinh năm 1994 ở Khu BT, P. A1, TP. HD; Lê Thanh P9, sinh năm 1996 ở khu 4, P. VH, TP. HD. Quá trình điều tra xác định, những người trên không có mặt tại địa phương hoặc không quen biết K hoặc có

biết K nhưng không vay tiền của K hoặc có vay tiền của K nhưng không nhớ số tiền gốc và lãi do đã vay từ lâu nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với các trường hợp K cho vay với mức lãi suất từ 0 đồng/1 triệu/1 ngày đến 2.500 đồng/1 triệu/1 ngày và với mức lãi suất từ 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày đến 12.500 đồng/1 triệu/1 ngày ghi tên gồm: D, D làm tóc làng tràng, khánh đình xinh, trường con đx, Tuân đxinh, F Đx, Trọng Giây, F Anh Làng Tràng 2, wave trắng Kgt Minh Xá, Đức Trung làng tràng, Tú Làng Cương, Đỗ Tú, Luân Lộc, Trí Thiện Làng Tràng, A Tú San, Hinh Chiền, *I* F Béo, Huy Trịnh 2, Tuan Beo, Thứ D1, Nguyễn Huy Trịnh, Chú Tùng Làng, Đức Trung Làng Tràng, Tuân Làng Giấy (CUBIN) ở P. A1, TP. Hải Dương; xe wave Phong Lê, E tung dai loan, xe Bella, xe Gravita, xe wave trắng, xe wave đen, Xe sirius kgt Minh Xá, xe led gtx, xe wave 7688, xe wave L Ủy, Xe đạp điện đỏ, xe bạn huy trịnh 2 ở P. P, TP. HD; ba duy, Huyền cún ở P. Trần Phú, TP. HD;bạn huy trịnh, bạn thành nụ, Minh Xá xe club vs Shk, Bình đá, Kiên Hàn Quốc, Minh Xá xe Rsx, Bình Đá, Minh Xa xe wave xanh, Minh xá Shk, Minh xá xe club, Minh xá xe dream tàu 2T, Minh xá xe club, Huy Mạnh, Minh xá ở P. L, TP. HD; bạn gái Dương Lào Cai, Cò Tén, A Thịnh 2, A Hưng Phượng, A Tung Meo ở TP. HD; Hiền HD; D10 VH ở P. VH, TP. HD; ip11pro. Quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch nên không có căn cứ để xử lý. Do vậy Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, 3 Điều 201, điểm g khoản 1 Điêu 52, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vương Văn K phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Vương Văn K 07 (bẩy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (ngày 07/6/2022).

3. Về hình phạt bổ sung: Xử phạt bị cáo Vương Văn K 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

4. Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Vương Văn K phải hoàn trả cho anh Vũ Thái E số tiền 3.969.000đ (Ba triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật anh H có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền trên nếu bị cáo chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Về xử lý vật chứng:

- Chuyển cho Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương 01 đĩa CD lưu giữ các giữ liệu hình ảnh sao chụp các hợp đồng của từng khách hàng được niêm phong trong bì thư ký hiệu: "CD PHẦN MỀM"; 01 đĩa CD lưu giữ các dữ liệu hình hảnh sao chụp trong điện thoại Iphone11pro của K được niêm phong trong bì thư ký hiệu "CD-Iphone11pro-K" để lưu hồ sơ vụ án.

- Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại Iphone11pro màu đen của K được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu "Iphone11pro – K".

(Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thành phố Hải Dương và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương ngày 28/10/2022).

- Tịch thu của bị cáo Vương Văn K số tiền 355.287.000đ sung quỹ Nhà nước (chưa thu).

- Tịch thu của anh Nguyễn Hữu F 12.000.000đ, anh Đỗ Văn B 15.000.000đ, anh Nguyễn Văn G 30.000.000đ, anh Tăng Xuân I 70.000.000đ, anh Nguyễn Văn D 15.000.000đ sung quỹ Nhà nước (chưa thu).

6. Về án phí: Buộc bị cáo Vương Văn K phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Vương Văn K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/11/2022), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.
- VKSND thành phố Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT- Công an TP Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan HSNV CATP Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhan